

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **8234** /GPMT-SNNMT-CCBVMT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **23** tháng **9** năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3994/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong lĩnh vực môi trường;

Theo ý kiến của Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường Cơ sở “Bệnh viện Mắt” tại số 280 Điện Biên Phủ, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh của Bệnh viện Mắt, kiểm tra ngày 14 tháng 5 năm 2026;

Xét Văn bản số 2691/BVM-HCQT ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Bệnh viện Mắt về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Cơ sở “Bệnh viện Mắt” tại số 280 Điện Biên Phủ, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số **2286**.../TTr-CCBVMT-TTMT ngày **22** tháng **9** năm 2026.

thư

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Bệnh viện Mắt, địa chỉ trụ sở chính tại số 280 Điện Biên Phủ, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Bệnh viện Mắt” tại số 280 Điện Biên Phủ, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Mắt.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 280 Điện Biên Phủ, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Quyết định số 1934/QĐ-UB ngày 07 tháng 5 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về cho phép đổi tên Trung tâm Mắt thành Bệnh viện Mắt trực thuộc Sở Y tế Thành phố; Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 02817/HCM-GPHĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Sở Y tế.

1.4. Mã số thuế: 0301483745.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: bệnh viện chuyên khoa, thực hiện khám chữa bệnh về mắt.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

– Tổng diện tích khu đất: 15.020,5 m².

– Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): nhóm B.

– Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

– Hạng mục công trình: gồm khu nhà 3 lầu (khu nhà A); khu nhà 5 lầu (khu nhà B); khu cấp cứu và phòng khám số 15; khu khám 2; khu hành chính quản trị và các hạng mục công trình phụ trợ.

– Quy mô: 329 giường bệnh.

(Theo Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Chủ cơ sở).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Mắt:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Mắt có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

2.6. Giấy phép môi trường này được cấp cho Bệnh viện Mắt, kèm theo yêu cầu về bảo vệ môi trường khi xả chất thải ra môi trường, quản lý chất thải đối với hoạt động của cơ sở; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Chủ cơ sở thực hiện hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường. Bệnh viện Mắt có trách nhiệm tuân thủ quy chuẩn, quy hoạch có liên quan, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước; thực hiện hoàn tất thủ tục đầu tư, quy hoạch, xây dựng, đất đai, pháp luật về xử lý, sắp xếp nhà, đất, tài sản,... (nếu có) đối với địa điểm hoạt động theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3: Thời hạn của Giấy phép môi trường: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành.

thư

Giấy phép môi trường có thể chấm dứt trước thời hạn trên theo kết quả giải quyết, xử lý có liên quan của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

Trường hợp Giấy phép môi trường có nội dung thay đổi hoặc Giấy phép môi trường hết hạn, Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp, cấp điều chỉnh theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường và quy định khác liên quan.

Điều 4: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để báo cáo);
- Sở Y tế;
- Ủy ban nhân dân phường Xuân Hòa;
- Bệnh viện Mắt;
- Trang thông tin điện tử của Sở NNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT. Hương.06.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Toàn Thắng

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-SNNMT-CCBVMT ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (nước thải xám) phát sinh từ lavabo, nước thoát sàn của Bệnh viện.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt (nước thải đen) phát sinh từ nhà vệ sinh của Bệnh viện.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ khu vực căn tin, nhà bếp của Bệnh viện.
- Nguồn số 04: Nước thải vệ sinh thùng rác, vệ sinh sàn trong khu vực lưu chứa rác.
- Nguồn số 05: Nước thải y tế phát sinh từ các phòng khám, phòng phẫu thuật, phòng xét nghiệm, phòng rửa dụng cụ y tế và các khu điều trị trong Bệnh viện.
- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ tháp xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải.

Thành phần chất ô nhiễm trong nước thải gồm pH, BOD₅ (20⁰C), COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), Dầu mỡ động thực vật, Tổng coliforms, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè.

2.2. Vị trí đầu nối xả nước thải: Bệnh viện Mắt tại số 280 Điện Biên Phủ, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tọa độ vị trí xả thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiếu 3⁰): X = 1.192.127; Y = 602.080.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 450 m³/ngày đêm tương đương 18,75 m³/giờ (lưu lượng xả thải thực tế theo báo cáo của Bệnh viện khoảng 277 m³/ngày đêm).

2.4. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế QCVN 28:2010/BTNMT, cột B (K = 1,0), cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 – 8,5	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP)
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	50		
3	COD	mg/L	100		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	10		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/L	50		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/L	10		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	20		
10	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	Vibrio Cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT

ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước công nghiệp).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

– Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (nước thải xám) phát sinh từ lavabo, nước thoát sàn của Bệnh viện được thu gom bằng đường ống uPVC dẫn về ngăn cuối của bể tự hoại; sau đó nước thải được dẫn theo đường ống uPVC về tuyến cống thu gom bê tông cốt thép để dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 450 m³/ngày đêm để xử lý.

– Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt (nước thải đen) phát sinh từ nhà vệ sinh của Bệnh viện được thu gom bằng đường ống uPVC dẫn về bể tự hoại để xử lý sơ bộ. Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ sẽ theo đường ống uPVC đưa về tuyến cống thu gom bê tông cốt thép để dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 450 m³/ngày đêm để xử lý.

– Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ khu vực căn tin, nhà bếp của Bệnh viện theo đường ống uPVC dẫn về bể tách dầu mỡ (thể tích 11 m³), nước thải sau bể tách mỡ được thu gom bằng đường ống uPVC đưa về tuyến cống thu gom bê tông cốt thép để dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 450 m³/ngày đêm để xử lý.

– Nguồn số 04: Nước thải vệ sinh thùng rác, vệ sinh sàn trong khu vực lưu chứa rác được thu gom bằng đường ống uPVC đưa về tuyến cống thu gom bê tông cốt thép để dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 450 m³/ngày đêm để xử lý.

– Nguồn số 05: Nước thải y tế phát sinh từ các phòng khám, phòng phẫu thuật, phòng xét nghiệm, phòng rửa dụng cụ y tế và các khu điều trị trong Bệnh viện được thu gom bằng đường ống uPVC đưa về tuyến cống thu gom bê tông cốt thép để dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 450 m³/ngày đêm để xử lý.

– Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ tháp xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải được thu gom bằng đường ống uPVC đưa về tuyến cống thu gom bê tông cốt thép để dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 450 m³/ngày đêm để xử lý.

Nước thải sau hệ thống xử lý được bơm về hố ga nước thải cuối của Cơ sở, nước thải từ hố ga cuối tự chảy ra hệ thống cống thoát nước chung của Thành phố (tại góc giao lộ Tú Xương - Bà Huyện Thanh Quan, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh), sau đó thoát ra Kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè.

THĐ

VI
HIỆP
DONG
CHỈ

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

– Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải → Bể thu gom + tách mỡ → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → hồ ga nước thải cuối → Hệ thống thoát nước chung của Thành phố (tại góc giao lộ Tú Xương - Bà Huyện Thanh Quan) → Nguồn tiếp nhận (Kênh Nhiêu Lộc – Thị Nghè).

– Công suất thiết kế: 450 m³/ngày đêm.

– Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine, mật rỉ đường, soda.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

– Thường xuyên kiểm tra, bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn.

– Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng công suất, quy trình; nghiêm ngặt quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị.

– Đảm bảo nguồn cung cấp điện để duy trì hoạt động của các máy móc, thiết bị hệ thống xử lý nước thải; trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy tại trạm xử lý nước thải.

– Lập sổ theo dõi lưu lượng, chất lượng nước thải và hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

– Lắp đặt các hướng dẫn sử dụng thiết bị, các biển cảnh báo ở các khu vực có nguy cơ mất an toàn.

– Tiến hành trang bị các máy móc dự phòng như máy bơm, máy thổi khí... nhằm đảm bảo hệ thống xử lý hoạt động thường xuyên.

– Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được đào tạo tập huấn đầy đủ các nội dung vận hành hệ thống, ứng phó sự cố; thực hiện đúng quy trình vận hành đã được ban hành.

– Khi phát hiện sự cố, ngưng hoạt động, tiến hành khóa van nước từ hệ thống xử lý nước thải thoát ra ngoài, hồi lưu toàn bộ nước thải không đạt chuẩn về bể điều hòa để tiến hành xử lý lại và nhanh chóng rà soát, xử lý, khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ).

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: Sau khi hoàn thành nghiệm thu công trình hệ thống xử lý nước thải công suất 450 m³/ngày đêm.
- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải công suất 450 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu nước thải đầu vào tại bể điều hòa và 01 mẫu nước thải đầu ra tại hố ga nước thải cuối.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Thông số: pH, BOD₅ (20⁰C), COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), Dầu mỡ động thực vật, Tổng coliforms, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae.
- Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải nước y tế QCVN 28:2010/BTNMT, cột B (K = 1,0).

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A, Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Cơ sở; đầu nối



Handwritten signature in blue ink.

đúng quy định vào nguồn tiếp nhận; xây dựng hố ga đầu nối nước thải sau xử lý thuận tiện cho công tác kiểm tra, giám sát.

3.4. Chủ cơ sở có trách nhiệm vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo giấy phép môi trường đã được cấp và thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

3.5. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom, xử lý nước thải trước khi xả thải ra môi trường.

3.6. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



PHỤ LỤC 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-SNNMT-CCBVMT
ngày ..23.. tháng ..9.. năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

Mùi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải công suất 450 m³/ngày đêm.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: Bệnh viện Mắt tại số 280 Điện Biên Phủ, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tọa độ vị trí xả khí thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°): X = 1.192.192; Y = 602.103.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 6.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: liên tục (24/24 giờ).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p = 1; K_v = 0,6) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Amoniac (NH ₃)	mg/Nm ³	30	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP)
2	Hydro sunphua (H ₂ S)	mg/Nm ³	4,5		
3	Metyl mercaptan (CH ₃ SH)	mg/Nm ³	15		

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

Mùi, khí thải phát sinh từ ống thoát khí thải của hệ thống xử lý mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải công suất 450 m³/ngày đêm được thải ra môi trường qua ống thoát khí uPVC, đường kính D200 mm, chiều cao 2,5m (tính từ mặt đất).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải: hệ thống xử lý mùi, khí thải từ hệ thống xử lý nước thải

– Tóm tắt quy trình xử lý: Khí thải, mùi → Tháp xử lý mùi → Ống thoát khí thải → Thải ra môi trường.

– Công suất thiết kế: 6.000 m³/giờ.

– Hóa chất, vật liệu sử dụng: Khử mùi Biozone, vật liệu đệm nhựa dạng hình cầu.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

– Đảm bảo vận hành các thiết bị theo đúng kỹ thuật của nhà cung cấp.

– Thường xuyên kiểm tra hoạt động của thiết bị; kiểm tra việc rò rỉ và khắc phục sửa chữa, thay thế đường ống nếu có hư hỏng.

– Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống thoát khí như ống dẫn để kịp thời thay thế nếu hư hỏng.

– Đào tạo nhân viên vận hành có chuyên môn, được đào tạo tập huấn đầy đủ các nội dung vận hành hệ thống, ứng phó sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



H.C
SỞ
NGH
TRU
HỒ

PHỤ LỤC 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 8234/GPMT-SNNMT-CCBVM
ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng công suất 800 KVA.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị hệ thống xử lý nước thải công suất 450 m³/ngày đêm.

2. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)		
1	55	45	Không	Khu vực đặc biệt

2.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
1	60	55	Không	Khu vực đặc biệt

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, giá trị tối đa cho phép đối với mức ồn phát sinh, mức gia tốc rung phải đáp ứng quy định tương ứng tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ

Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Máy phát điện dự phòng đặt trong container kín, cách âm, lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su, trang bị bộ tiêu âm; thường xuyên kiểm tra lượng dầu bôi trơn và dầu trong máy; không để máy hoạt động quá tải; bảo dưỡng máy theo định kỳ.

- Lắp đặt đệm chống rung bằng cao su cho máy thổi khí trong hệ thống xử lý nước thải đảm bảo độ cân bằng của máy móc khi hoạt động.

- Bảo trì, bảo dưỡng máy bơm theo định kỳ, thay những chi tiết hư hỏng, thay thế kịp thời các máy bơm khi đã xuống cấp theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy, độ mài mòn của các chi tiết, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực cơ sở.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của Cơ sở.

N. V. A.
 ỆP
 ỒNG,
 CHỈ M.

PHỤ LỤC 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...8234.../GPMT-SNNMT-CCBVMT
ngày ...23 tháng ...9 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải lây nhiễm phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (chất thải sắc nhọn)	13 01 01	4.282
2	Chất thải lây nhiễm (không sắc nhọn)		84.483
Tổng khối lượng			88.765

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) không lây nhiễm phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	13 01 03	07
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	300
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	50
Tổng khối lượng			357

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	07

MD

2	Hộp mực in (loại có thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	90
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	10
4	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	13.468,5
Tổng khối lượng			13.575,5

Ghi chú: Chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát có trách nhiệm phân định chất thải là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường thông qua hoạt động lấy, phân tích mẫu do cơ sở có chức năng, đủ năng lực thực hiện theo quy định của pháp luật. Chất thải công nghiệp sau khi phân định phải được quản lý theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 06	320
2	Bao bì kim loại (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH và không có lớp lót nguy hại như amiang) thải	18 01 08	285
3	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	18 01 05	790
4	Bao bì thủy tinh (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 09	187
5	Bùn thải từ các quá trình xử lý nước thải khác với các loại trên	12 06 13	430.900
6	Bùn đất nạo vét khác với loại trên	11 05 06	1.030
7	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách dầu/nước)	12 06 11	2.445
Tổng khối lượng			435.957



TH

1.5. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 657 tấn/năm.

1.6. Khối lượng chất thải rắn công kênh phát sinh: khoảng 200 kg/năm, bao gồm đồ vải hư hỏng thải bỏ, tủ, bàn, cửa, giường, máy lạnh và các vật dụng khác...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải lây nhiễm

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải lây nhiễm

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa màu vàng loại 60 lít tại nơi thường xuyên phát sinh chất thải; thùng chứa màu vàng dung tích 240 lít tại kho lưu chứa chất thải lây nhiễm, các thùng có nắp đậy, bên ngoài thùng được dán ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quản lý chất thải y tế trong phạm vi cơ sở y tế, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 10 m² (phòng lạnh nhiệt độ dưới 8°C).
- Vị trí: Kế bên hệ thống xử lý nước thải.
- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực có mặt sàn bê tông kín khít, không bị thấm thấu và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; che kín nắng, mưa, có biển cảnh báo và dán nhãn theo đúng quy định, trang bị máy lạnh. Phòng lưu chứa chất thải lây nhiễm được khóa cửa kín, chỉ giao chìa khóa cho nhân viên được giao nhiệm vụ, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 20/2021-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng màu đen 240 lít, có nắp đậy, bên ngoài thùng được dán tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 20/2021-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 10 m².
- Vị trí: Kế bên hệ thống xử lý nước thải.
- Thiết kế, cấu tạo: khu vực có mặt sàn bê tông kín khít, không bị thấm thấu

và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; che kín nắng, mưa, có biển cảnh báo và dán nhãn theo đúng quy định, có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, vật liệu thấm hút để ứng phó khi có sự cố xảy ra, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 20/2021-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát

Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được lưu chứa tại 01 bể chứa bùn, thể tích 42,8 m³.

2.4. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.4.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường có khả năng tái chế

– Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng nhựa cứng (loại 240 lít), có nắp đậy và bao bì lưu chứa, bên ngoài thiết bị lưu chứa chất thải phải có tên loại chất thải lưu chứa.

– Kho lưu chứa:

+ Diện tích: 2 m².

+ Vị trí: Kế bên hệ thống xử lý nước thải.

+ Thiết kế, cấu tạo: Mặt sàn là nền bê tông kín khít, không bị thấm thấu và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; che kín nắng, mưa, khu vực có cửa ra vào riêng.

2.4.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường không có khả năng tái chế

– Bùn thải từ bể tự hoại được lưu chứa tại 18 bể tự hoại của cơ sở với tổng dung tích là 476 m³. Thiết kế, cấu tạo: tường, đáy và nắp bể bằng bê tông cốt thép chống thấm.

– Dầu mỡ thải từ bể tách dầu mỡ được lưu chứa trong các ngăn chứa của bể tách dầu mỡ với thể tích là 11 m³. Thiết kế, cấu tạo: tường, đáy và nắp bể bằng bê tông cốt thép chống thấm.

2.5. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.5.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng nhựa cứng (loại 320 lít) tại kho chứa chất thải.

2.5.2. Kho lưu chứa:

– Diện tích: 20 m².

– Vị trí: Kế bên hệ thống xử lý nước thải.



– Thiết kế, cấu tạo: Mặt sàn là nền bê tông kín khít, không bị thấm thấu và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; che kín nắng, mưa, khu vực có cửa ra vào riêng; nước thải được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

2.6. Đối với chất thải công kênh: Khi phát sinh chất thải rắn công kênh được đưa về kho lưu chứa chất thải tái chế của Bệnh viện. Sau khi hoàn tất thủ tục đấu thầu, thanh lý, đơn vị trúng thầu sẽ thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định hiện hành.

2.7. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải lây nhiễm, chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải lây nhiễm, chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 20/2021-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

– Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thoát khí thải và các sự cố môi trường khác theo quy định pháp luật.

– Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

– Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

PHỤ LỤC 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 8234/GPMT-SNNMT-CCBVM
ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường số 874/GPMT-STNMT-CCBVM ngày 23 tháng 8 năm 2024 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Bệnh viện Mắt tại số 280 Điện Biên Phủ, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh; không còn hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định.

4. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện) không có hệ thống xử lý khí thải, tuy nhiên, nhiên liệu sử dụng phải là nhiên liệu sạch, đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành về an toàn lao động, quản lý hóa chất, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết./.